

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 40

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính hợp nhất là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Thành viên
Ông Đinh Văn Hóa	Thành viên
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên
Ông Trần Việt Anh	Thành viên
Bà Bùi Thị Kim Tuyền	Trưởng BKS
Bà Trần Lâm Thúy Quyên	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên

### 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/02/2016)
Ông Bùi Thành Đạt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/02/2016)
Ông Đào Ngọc Quyết	Giám đốc Tài chính – Kế toán trưởng

### 3. Các hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc;....

### 4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 40.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

### 6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính.

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### 9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Tập đoàn cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Tập đoàn ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
KỸ NGHỆ GỖ  
TRƯỜNG THÀNH

VÕ TRƯỜNG THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Số: 119.HN/DFK-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) và các công ty Con (“Tập đoàn”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành và các công ty Con tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

**P. GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN TUYẾN**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HỒ ĐẮC HIẾU**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>3,527,789,389,378</b>	<b>3,101,625,957,097</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>7,975,637,918</b>	<b>85,895,452,344</b>
1. Tiền	111		7,925,212,937	48,975,452,344
2. Các khoản tương đương tiền	112		50,424,981	36,920,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>116,330,930,061</b>	<b>12,147,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12.1	116,330,930,061	12,147,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,078,891,706,723</b>	<b>752,492,067,708</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	865,180,210,280	596,802,950,966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		58,770,589,467	51,794,231,345
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	48,500,848,000	47,941,064,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	132,016,274,679	74,407,958,611
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.08	(25,576,800,725)	(24,097,719,821)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		585,022	5,643,582,607
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.05	<b>2,296,856,163,607</b>	<b>2,210,607,460,377</b>
1. Hàng tồn kho	141		2,343,303,696,147	2,221,027,492,659
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46,447,532,540)	(10,420,032,282)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27,734,951,069</b>	<b>40,483,976,668</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	1,945,979,126	1,780,084,194
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,995,708,992	36,747,746,898
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	23,793,262,951	1,956,145,576
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1,062,151,198,428</b>	<b>910,948,156,146</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>39,496,954,816</b>	<b>18,879,016,866</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		26,535,048,589	20,372,649,167
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	17,977,996,219	1,150,000,000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.08	(5,016,089,992)	(2,643,632,301)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>485,684,250,918</b>	<b>390,224,360,940</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	466,616,132,359	365,158,734,518
- Nguyên giá	222		689,227,919,995	556,475,248,069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222,611,787,636)	(191,316,513,551)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19,068,118,559	25,065,626,422
- Nguyên giá	228		25,117,729,374	30,373,729,374
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6,049,610,815)	(5,308,102,952)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>257,318,232,189</b>	<b>269,568,365,261</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.07	189,015,343,436	154,636,214,406
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	68,302,888,753	114,932,150,855
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>179,681,351,402</b>	<b>167,451,608,838</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12.2	113,003,340,590	91,088,483,336
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12.2	58,509,784,766	59,184,784,766
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12.2	(563,773,954)	(104,239,264)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.12.1	8,732,000,000	17,282,580,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>99,970,409,104</b>	<b>64,824,804,241</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	94,658,561,371	58,875,084,787
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	5,311,847,733	5,949,719,454
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4,589,940,587,806</b>	<b>4,012,574,113,243</b>


**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>2.750.873.364.820</b>	<b>2.762.099.347.514</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.088.871.841.096</b>	<b>2.628.798.074.217</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	418.793.289.364	206.920.358.256
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	62.735.159.917	60.714.944.058
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16a	74.346.831.765	99.704.786.770
4. Phải trả người lao động	314		46.863.126.545	32.528.473.144
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	87.630.267.369	173.549.327.932
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.755.229.352	47.545.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	235.757.857.589	205.796.946.749
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	1.154.228.300.752	1.858.302.549.797
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	(2.238.221.557)	(8.766.857.945)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>662.001.523.724</b>	<b>133.301.273.298</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.22	30.758.000.473	34.410.523.298
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	2.586.928.000	1.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	30.000.000.000	97.890.750.000
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21	598.656.595.251	-
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>1.839.067.222.986</b>	<b>1.250.474.765.729</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.23	<b>1.839.067.222.986</b>	<b>1.250.474.765.729</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.400.939.400.000	1.000.671.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.400.939.400.000	1.000.671.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.347.876.763	67.654.726.763
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		6.743.618.619	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(420.631.294)	(420.631.294)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.170.504.129	14.401.491.999
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.963.110	8.963.110
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		236.701.053.629	73.629.558.321
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		66.565.844.735	3.009.610.786
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		170.135.208.894	70.619.947.535
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		110.576.438.030	94.529.656.830
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.589.940.587.806</b>	<b>4.012.574.113.243</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Đỗ Ngọc Nam  
Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết  
Kế toán trưởng



Mô Trường Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2016



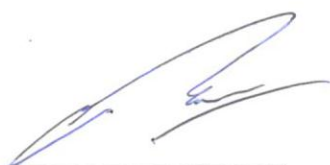
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	2.752.987.675.611	1.461.989.162.084
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1.148.154.482	3.256.043.778
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.751.839.521.129	1.458.733.118.306
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.406.340.133.166	1.182.583.860.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		345.499.387.963	276.149.257.706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	27.841.772.799	16.228.103.111
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	70.501.881.666	63.495.415.556
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		181.737.706.065	151.979.159.742
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2.349.097.046)	(2.108.947.107)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	22.883.349.288	20.438.552.655
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	109.406.520.106	103.772.903.223
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		168.200.312.656	102.561.542.276
12. Thu nhập khác	31	VI.07	104.206.274.787	7.462.136.612
13. Chi phí khác	32	VI.08	31.670.280.240	25.098.426.446
14. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		72.535.994.547	(17.636.289.834)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		240.736.307.203	84.925.252.442
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	35.166.445.388	22.157.240.338
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		637.871.721	(4.416.037.416)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		204.931.990.094	67.184.049.520
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		188.885.208.894	70.619.947.535
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		16.046.781.200	(3.435.898.015)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.504	745
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.151	532

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Ngọc Nam  
 Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết  
 Kế toán trưởng




Võ Trường Thành  
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

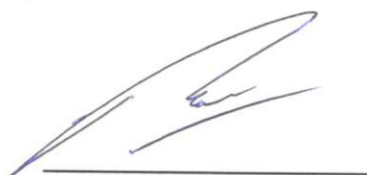
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>240.736.307.203</b>	<b>84.925.252.442</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	34.811.451.644	35.037.918.445
Các khoản dự phòng	03	40.338.573.543	4.253.819.084
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.401.415.066)	4.500.009.879
Chi phí lãi vay	06	181.737.706.065	151.979.159.742
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>479.222.623.389</b>	<b>280.696.159.593</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(335.887.722.659)	(349.572.736.056)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(157.394.286.818)	(119.870.998.212)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(27.349.664.491)	(214.688.894.317)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(35.949.371.516)	17.421.632.627
Tiền lãi vay đã trả	14	(119.664.071.524)	(59.345.256.609)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.030.738.356)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	60.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(724.934.473)	(1.523.416.811)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(218.778.166.448)</b>	<b>(446.823.509.785)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(89.566.187.969)	(57.147.817.870)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.339.175.493	411.073.470
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(403.556.404.802)	(19.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	298.812.690.741	10.460.636.012
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22.850.000.000)	(675.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12.002.700.000	1.778.432.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.376.636.698	4.147.693.904
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(183.441.389.839)</b>	<b>(60.024.982.484)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	400.268.400.000	234.263.640.000
Tiền thu từ đi vay	33	2.074.971.133.423	1.275.991.521.244
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.150.939.791.562)	(983.024.660.531)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>324.299.741.862</b>	<b>527.230.500.713</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(77.919.814.425)</b>	<b>20.382.008.444</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>85.895.452.344</b>	<b>65.513.443.900</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>7.975.637.918</b>	<b>85.895.452.344</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Đỗ Ngọc Nam  
Người lập biểu




Đào Ngọc Quyết  
Kế toán trưởng

Võ Trường Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 03/9/2015 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Truong Thanh Furniture Corporation. Tên viết tắt: TTFC.

Trụ sở chính đặt tại: Đường ĐT747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Chi nhánh: Đường ĐT 743, khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Văn phòng giao dịch: Lầu 7, tòa nhà Nguyễn Kim, số 99 Nguyễn Thị Minh Khai

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Đại lý ký gửi hàng hóa; Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn sản phẩm nông lâm sản; Bán buôn phân bón.

#### 4. Chu năm sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động trồng rừng: trên 12 tháng
- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 14 Công ty.
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 14 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

### Công ty con trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn theo ĐKKD	Tỷ lệ góp vốn thực tế
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	KP 4, Phường Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56,470,000,000	51.00%	100.00%
Công ty CP Trường Thành Xanh	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100,000,000,000	60.00%	99.99%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đăklak	60,000,000,000	99.33%	99.97%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông	204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăknông	60,000,000,000	96.00%	99.44%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Đào Trinh Nhất, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	25,000,000,000	45.60%	97.50%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Cụm công nghiệp M'Đăk, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk	10,000,000,000	-	95.30%
Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đăknông	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	50,000,000,000	97.90%	94.75%
Công ty CP Trường Thành (Đăklak 1)	Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐăkLak	30,000,000,000	70.00%	70.00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Đăklak 2)	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐăkLak	28,000,000,000	70.00%	70.00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	KP 7, Phường Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126,239,000,000	64.16%	64.16%
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	40,000,000,000	60.00%	60.00%
Công ty CP Trồng rừng Trường Thành (*)	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đăklak	53,191,490,000	41.00%	46.07%

(\*) Tỷ lệ quyền biểu quyết trên 50%

### Công ty con gián tiếp

Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đăklak	10,000,000,000	50.00%	97.50%
Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	107 Lê Duẩn, khối 04, thị trấn Phước An, huyện Krông Păk, tỉnh Đăklak	10,000,000,000	50.00%	51.55%

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp	
			vốn theo ĐKKD	vốn thực tế
Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6,500,000,000	23.08%	43.76%
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51.00%	51.00%
Công ty CP Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Đường 23/3, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	66,887,500,000	37.17%	37.17%

## II. năm kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. năm kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Cho năm tài chính 2015, Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính thay thế Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất năm chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

### 2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

### 3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

### 4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

#### Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

**Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bắt năm các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

### Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc thiết bị	04 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 14 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Phần mềm	03 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình khác	20 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào... và lò sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

## 9. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

### Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### 10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều năm kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các năm kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

### 11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

### 13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong năm dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong năm; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### 16. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi (Vay chuyển đổi)

Nợ chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn (quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu); phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu của nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị các cấu phần của nợ chuyển đổi được xác định như sau:

- Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi của khoản nợ) về giá trị hiện tại theo lãi suất của khoản nợ tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành nợ chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của khoản nợ tương tự, Công ty sử dụng lãi suất đi vay được sử dụng trong phần lớn các giao dịch trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai.

- Giá trị cấu phần vốn của nợ chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của nợ chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

### 17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia** của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hàng mẫu, chi phí bao bì, đóng gói, chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho, chi phí nhân viên,...

#### Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

### 22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty CP Nông Lâm Công nghiệp Trường An được hưởng thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành - Phước An được hưởng thuế suất là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty CP Trường Thành Xanh (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắknông được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty CP TM XNK Trường Thành Đak Nông được thành lập tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'đrăk được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Tập đoàn ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp về việc quyền phát triển có được xem là chi phí cho mục đích tính thuế, nên Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản thu nhập chưa thực hiện khi hợp nhất liên quan đến khoản vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI.

## 23. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1,417,305,137	590,687,146
Tiền gửi ngân hàng	(1.1) 6,507,907,800	47,408,460,198
Tiền đang chuyển	-	976,305,000
Các khoản tương đương tiền	(1.2) 50,424,981	36,920,000,000
<b>Cộng</b>	<b>7,975,637,918</b>	<b>85,895,452,344</b>

### (1.1) Bao gồm:

- Tiền gửi ngân hàng bằng VND	5,539,291,470
- Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (42,313.12 USD)	949,232,533
- Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (794.04 EUR)	19,383,797
<b>Cộng</b>	<b>6,507,907,800</b>

(1.2) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

2. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- AHL	101,176,568,290	140,359,978,425
- PIR	59,311,719,934	44,006,831,564
- LAPGF	62,426,841,299	53,420,720,275
- ALR	48,437,877,805	17,253,983,276
- CPM	43,342,132,314	15,062,229,480
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Trường Vũ	11,081,254,692	40,549,386,512
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam	109,217,117,196	27,426,991,350
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC	76,133,211,160	32,329,355,000
- Công ty TNHH TM và DV Lâm nghiệp Minh Hoàng	92,312,210,025	58,156,639,289
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hà Sơn Hải	97,129,662,062	14,628,099,776
- Các khách hàng khác	164,611,615,503	153,608,736,020
<b>Cộng</b>	<b>(*) 865,180,210,280</b>	<b>596,802,950,967</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 17,108,277.80 USD tương đương 371.872.465.525 đồng.

**3. Phải thu khác**

a) Ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	1,041,401,394	3,505,685,442
- Phải thu liên quan đến tiền cho mượn đến các tổ chức và cá nhân	86,171,486,278	13,226,937,773
- Phải thu gốc và lãi cho vay đối với Công ty Tân Phát	23,417,675,770	23,417,675,770
- Phải thu liên quan đến tiền cho mượn đến các bên liên quan của công ty Con	2,702,844,445	7,921,069,324
- Phải thu khoản thuế GTGT tương ứng doanh thu chưa xuất hóa đơn	-	2,651,469,848
- Phải thu liên quan đến các khoản xuất nguyên liệu, vật tư cho công trình chưa quyết toán	2,146,916,339	1,227,194,893
- Phải thu Bảo hiểm xã hội liên quan đến các khoản chi hộ chưa quyết toán	1,420,898,776	-
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	2,305,230,227	4,160,420,845
- Các khoản tạm ứng	11,863,695,756	12,701,485,341
- Phải thu khác	946,125,695	5,596,019,375
<b>Cộng</b>	<b>132,016,274,679</b>	<b>74,407,958,611</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Khoản ký quỹ đầu tư dự án trồng rừng kinh tế theo công văn số 2135/CV-STC ngày 27/6/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên	400,000,000	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	579,839,296	1,150,000,000
- Phải thu liên quan đến khoản cho mượn (Công ty TNHH XD Đồng Long)	16,998,156,923	-
<b>Cộng</b>	<b>17,977,996,219</b>	<b>1,150,000,000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Phạm Thừa Tự	280,000,000	280,000,000
- Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương	300,000,000	300,000,000
- Công ty TNHH XD Đồng Long	-	5,048,576,000
- Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji	28,920,848,000	23,312,488,000
- Công ty Cổ phần Quản lý Cụm CN Trường Thành - Ea H'leo	19,000,000,000	19,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>48,500,848,000</b>	<b>47,941,064,000</b>

5. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng đang đi trên đường	2,732,646,344	3,799,985,585
- Nguyên vật liệu, phụ liệu	1,301,584,803,379	1,331,707,466,061
- Công cụ, dụng cụ	2,076,601,172	1,109,718,210
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	807,072,248,779	673,769,631,644
- Thành phẩm	121,037,297,205	91,268,009,999
- Hàng hóa	51,340,052,703	104,224,388,571
- Hàng gửi bán	57,460,046,564	15,148,292,589
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(46,447,532,540)	(10,420,032,282)
<b>Cộng</b>	<b>2,296,856,163,607</b>	<b>2,210,607,460,377</b>

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối năm (31/12/2015) đang được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	(*) 32,500,000,000	32,500,000,000
- Chi phí xây dựng 02 nhà kho theo hợp đồng HĐ03/10:HĐXD-TTBD1 ngày 04/12/2010	-	37,482,166,672
- Chi phí sửa chữa showroom Hà Nội	1,148,413,760	-
- Lô đất (250 m <sup>2</sup> ) có thời gian sử dụng lâu dài tại quốc lộ 14, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và 08 lô đất khác tại Đắk Lắk	843,700,000	843,700,000
- Dây chuyền sản xuất ván sàn	5,000,000,000	-
- Công trình lò sấy và nền bê tông của phân xưởng sơ chế, ván bóc.	15,148,062,800	-
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, đường nội bộ,... chưa hoàn thành	11,788,005,596	36,037,016,572
- Chi phí xây dựng và mua sắm tài sản khác	1,874,706,597	8,069,267,611
<b>Cộng</b>	<b>68,302,888,753</b>	<b>114,932,150,855</b>

(\*): Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 77, 78, 79 và 80 có tổng diện tích là 10.320 m<sup>2</sup> thuộc tờ khai bản đồ số 11 tọa lạc tại xã Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương từ Ông Phạm Hoài Nam theo hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 07/01/2008 với tổng giá trị nhận chuyển nhượng là 33,5 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đã chuyển cho Ông Phạm Hoài Nam tổng số tiền là 32,5 tỷ đồng nhưng Ông Phạm Hoài Nam vẫn chưa tiến hành làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nêu trên cho Công ty. Theo Thỏa thuận chi bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất số 01-2014/TTBT-TTF ngày 19/7/2014, Công ty sẽ chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất này (Thuyết minh tại mục 15).

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>7. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>		
Chi phí trồng rừng tại:		
- Chi phí trồng rừng tại xã Vụ Bản, xã Tân Tiến,... thuộc huyện Krông Pắc, Đắk Lắk	78,756,299,992	63,554,910,106
- Dự án trồng rừng 280,5 ha Krông Năng năm 2008	23,039,811,635	22,188,935,617
- Chi phí SXKD DA trồng rừng 629,9 ha Lăk 2009	18,107,063,905	14,131,752,758
- Chi phí SXKD DA liên kết 77,8 ha M'Đrăk 2009	17,941,526,575	14,052,651,065
- CP SXKD DA trồng rừng 493,5 ha huyện Lăk năm 2011	16,117,928,167	14,064,439,782
- Chi phí trồng rừng khác	35,052,713,162	26,643,525,078
<b>Cộng</b>	<b>(*) 189,015,343,436</b>	<b>154,636,214,406</b>

(\*) Trong đó, bao gồm chi phí lãi vay vốn hóa là 8.383.490.892 đồng. Giá trị tài sản dở dang đang được dùng để thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

8. Nợ xấu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng - 1 năm	5,900,796,277		- Công ty Styl			
	-		- Đối tượng khác	948,536,891		- Đối tượng khác
				1,439,519,236		- Tesco International
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm	2,350,000,000		- Công ty CP Thành Phát	134,480,400		- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam
	3,208,030,681		- Đối tượng khác	1,576,669,741		- Đối tượng khác
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 2 - 3 năm	1,439,519,236		- Tesco International	1,377,496,950		- Công ty TNHH Ngọc Nguyễn
	1,405,233,091		- Đối tượng khác	383,126,497		- Đối tượng khác
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	4,215,042,469		- Công ty TNHH XD&TM Tân Phát	23,417,675,770	15,837,572,704	- Công ty TNHH XD&TM Tân Phát
	3,515,516,126		- Công ty AHL	4,215,042,469		- Công ty AHL
	2,964,282,557		- Công ty WS	3,515,516,126		- Công ty WS
			- Đối tượng khác	8,780,393,747	267,412,061	Đối tượng khác
<b>Cộng</b>	<b>48,416,096,207</b>	<b>15,562,130,481</b>		<b>45,788,457,827</b>	<b>16,104,984,765</b>	

**Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn:**

Số dư đầu năm	(26,741,352,122)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3,851,538,595)
Giảm	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(30,592,890,717)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Số dư đầu năm	248,185,611,572	280,110,217,619	23,447,610,737	4,731,808,141	556,475,248,069
Tăng	121,882,396,587	8,464,560,404	5,817,993,080	30,500,000	136,195,450,071
Giảm	1,496,948,868	841,202,617	919,078,381	185,548,279	3,442,778,145
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>368,571,059,291</b>	<b>287,733,575,406</b>	<b>28,346,525,436</b>	<b>4,576,759,862</b>	<b>689,227,919,995</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	79,207,684,468	93,338,661,535	15,077,055,965	3,693,111,583	191,316,513,551
Khấu hao trong năm	13,443,274,132	17,716,052,172	2,518,363,554	392,253,923	34,069,943,781
Giảm	1,469,276,122	468,341,194	651,504,102	185,548,279	2,774,669,696
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>91,181,682,478</b>	<b>110,586,372,513</b>	<b>16,943,915,417</b>	<b>3,899,817,228</b>	<b>222,611,787,636</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	168,977,927,104	186,771,556,084	8,370,554,772	1,038,696,558	365,158,734,518
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>277,389,376,813</b>	<b>177,147,202,893</b>	<b>11,402,610,019</b>	<b>676,942,634</b>	<b>466,616,132,359</b>

TSCĐ tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành chuyển sang; giảm do thanh lý, nhượng bán.

Tài sản cố định đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	24,214,632,000	1,003,209,914	5,155,887,460	30,373,729,374
Giảm do nhượng bán	5,256,000,000	-	-	5,256,000,000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18,958,632,000</b>	<b>1,003,209,914</b>	<b>5,155,887,460</b>	<b>25,117,729,374</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2,920,560,743	840,775,989	1,546,766,220	5,308,102,952
Tăng	420,560,748	63,152,742	257,794,373	741,507,863
Giảm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3,341,121,491</b>	<b>903,928,731</b>	<b>1,804,560,593</b>	<b>6,049,610,815</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	21,294,071,257	162,433,925	3,609,121,240	25,065,626,422
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>15,617,510,509</b>	<b>99,281,183</b>	<b>3,351,326,867</b>	<b>19,068,118,559</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:	<u>Diện tích (m2)</u>	<u>Thời hạn sử dụng</u>	<u>Nguyên giá</u>
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Thôn 1, xã EaRal, huyện Ea HLeo, Đắk Lắk	14,884	lâu dài	1,458,632,000
- Giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	3,770,000	42 năm từ năm 2008 đến năm 2049	17,500,000,000
<b>Cộng</b>			<b><u>18,958,632,000</u></b>

Tính đến ngày 31/12/2015, toàn bộ Quyền sử dụng đất của Tập đoàn đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

11. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1,332,028,795	832,947,245
- Chi phí bảo hiểm trả trước chờ phân bổ	422,332,220	732,852,500
- Chi phí chờ phân bổ khác	191,618,111	214,284,449
<b>Cộng</b>	<b><u>1,945,979,126</u></b>	<b><u>1,780,084,194</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ	18,665,795,670	4,846,065,744
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	551,853,546	494,420,947
- Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ, chi phí đền bù đất chờ phân bổ	(*) 75,085,789,076	53,234,306,288
- Phí đánh giá tác động môi trường	288,346,866	288,346,866
- Chi phí chờ phân bổ khác	66,776,212	11,944,942
<b>Cộng</b>	<b><u>94,658,561,371</u></b>	<b><u>58,875,084,787</u></b>

(\*) Bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 001/HĐTD-CCN ngày 27/01/2011 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 26.405,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Lô A thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương trong vòng 50 năm kể từ ngày 27/01/2011. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 18.535.154.746 đồng.

- Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 004/HĐTD-CCN ngày 08/12/2011 ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 29.002,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Lô A16 thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trong vòng 50 năm. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 23.014.179.974 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/11/2059 tại thửa đất số 905 thuộc tờ khai bản đồ số 16/4 tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương có diện tích là 4.417 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009 với giá nhận chuyển nhượng là 2.663.451.000 đồng. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 2.290.611.080 đồng.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với diện tích là 120.478,5 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến tháng 6 năm 2054. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 30.524.762.744 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk đến tháng 8/2059. Giá trị còn lại tại 31/12/2015 là 447.583.296 đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Khoản chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng để nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm tại thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 273.497.237 đồng.

### 12. Các khoản đầu tư tài chính

#### 12.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng	116,330,930,061	116,330,930,061	12,147,000,000	12,147,000,000
<b>Dài hạn</b>				
- Các khoản đầu tư khác (*)	8,732,000,000	8,732,000,000	17,282,580,000	17,282,580,000

(\*) Trong năm tài chính này, Công ty đã thoái một phần vốn tại Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt và thu về lợi nhuận là 3.452.120.000 đồng. Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày 31/12/2015 của khoản đầu tư này đang được phong tỏa.

#### 12.2 Đầu tư góp vốn

##### (a) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên các công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp	Vốn góp thực tế đến 31/12/2015	Khoản tồn thất phát sinh tại Công ty LK, LD	Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty LK, LD
Công ty CP Bao bì Trường Thành	44%	2,000,000,000	(1,226,320,640)	773,679,360
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI (*)	51%	94,930,473,000	(5,947,562,624)	88,982,910,376
Công ty CP Nông Lâm nghiệp Trường Thành	37%	23,525,000,000	(278,249,146)	23,246,750,854
<b>Cộng</b>		<b>120,455,473,000</b>	<b>(7,452,132,410)</b>	<b>113,003,340,590</b>

(\*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty CP Tập đoàn OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty đã góp 170,400.00 USD bằng tiền, 3,408,600.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 ha thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên và giá trị 1.520,06 ha rừng trồng trị giá 947,520.00 USD.

##### (b) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:

Các khoản đầu tư vào	Số lượng cp	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng	Giá trị thuần
- Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28,960	279,784,766	-	279,784,766
- Công ty CP Phú Hữu Gia	5,268,000	52,680,000,000	(459,534,690)	52,220,465,310
- Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5,550,000	5,550,000,000	(104,239,264)	5,445,760,736
<b>Cộng</b>		<b>58,509,784,766</b>	<b>(563,773,954)</b>	<b>57,946,010,812</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chênh lệch tạm thời về thời gian khấu hao máy móc thiết bị và thời gian phân bổ công cụ, dụng cụ	641,411,151	866,126,014
- Khoản lãi chưa thực hiện từ các nghiệp vụ mua bán trong nội bộ Tập đoàn	4,670,436,582	5,083,593,441
<b>Cộng</b>	<b>5,311,847,733</b>	<b>5,949,719,454</b>

14. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	nợ	Giá trị	trả nợ
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Trường Vũ	-	-	49,761,799,008	49,761,799,008
- Công ty TNHH Tịnh Tiến ĐakNông	39,158,380,755	39,158,380,755	-	-
- Công ty TNHH TM và DV Lâm nghiệp Minh Hoàng	57,533,864,800	57,533,864,800	46,476,949,915	46,476,949,915
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC	32,235,056,724	32,235,056,724	14,618,713,369	14,618,713,369
- Công ty TNHH SX TM Hóa Keo Bình Thạnh	6,540,454,816	6,540,454,816	4,466,155,380	4,466,155,380
- Hợp tác xã An Tiếp	1,561,543,910	1,561,543,910	6,541,173,318	6,541,173,318
- Công ty TNHH Phúc Lợi Khang	710,014,400	710,014,400	5,419,107,050	5,419,107,050
- Công ty CP Vũ Tuấn	110,861,944,566	110,861,944,566	10,062,770,664	10,062,770,664
- Công Ty TNHH Lâm nghiệp & Thương mại Nguyễn Thành Phát	1,492,019,053	1,492,019,053	5,907,312,672	5,907,312,672
- Công ty TNHH DV TM Nhật Quốc	29,605,484,333	29,605,484,333	-	-
- Công ty TNHH XD và TM Hà Sơn Hải	38,451,617,017	38,451,617,017	14,711,600,666	14,711,600,666
- Phải trả cho các đối tượng khác	100,642,908,990	100,642,908,990	48,954,776,214	48,954,776,214
<b>Cộng</b>	<b>418,793,289,364</b>	<b>418,793,289,364</b>	<b>206,920,358,256</b>	<b>206,920,358,256</b>

15. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khoản người mua trả trước liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Dĩ An, Bình Dương (Thuyết minh tại mục 6*)	22,000,000,000	22,000,000,000
- Người mua trả tiền trước bằng ngoại tệ (834,457.80 USD)	17,849,799,609	15,424,465,412
- Các khách hàng khác	22,885,360,308	23,290,478,647
<b>Cộng</b>	<b>62,735,159,917</b>	<b>60,714,944,059</b>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>	<b>Số đầu năm</b>			
- Thuế GTGT	66,978,872,411	11,571,982,764	52,276,058,424	26,274,796,750
- Thuế TNDN	28,592,868,708	35,166,445,388	21,030,738,356	42,728,575,740
- Thuế TNCN	3,766,236,019	2,241,648,531	1,692,430,573	4,315,453,977
- Thuế khác và các khoản phải nộp khác	366,809,632	1,130,681,831	469,486,165	1,028,005,298
<b>Cộng</b>	<b>99,704,786,770</b>	<b>50,110,758,514</b>	<b>75,468,713,518</b>	<b>74,346,831,765</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế GTGT chờ hoàn	-	(22,293,667,300)	-	(22,293,667,300)
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(11,237,496)	66,824,704	64,376,208	(8,789,000)
- Thuế nhập khẩu	(1,944,908,080)	1,210,735,589	756,634,160	(1,490,806,651)
<b>Cộng</b>	<b>(1,956,145,576)</b>	<b>(21,016,107,007)</b>	<b>821,010,368</b>	<b>(23,793,262,951)</b>

17. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay còn phải trả bằng VND	78,301,882,327	134,595,277,086
- Chi phí lãi vay còn phải trả bằng ngoại tệ	147,284,249	28,765,580,232
- Tiền thuê đất còn phải trả	2,525,951,912	-
- Chi phí khai thác rừng Quảng Khuê phải trả	4,364,960,846	8,141,878,500
- Chi phí phải trả khác	2,290,188,035	2,046,592,114
<b>Cộng</b>	<b>87,630,267,369</b>	<b>173,549,327,932</b>

18. Phải trả khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ xử lý	1,081,229,195	973,244,368
- Kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm bắt buộc và lãi chậm nộp bảo hiểm còn phải nộp, chậm nộp thuế	96,566,231,114	86,847,160,488
- Các khoản tiền mượn thanh toán, không lãi suất	48,301,873,260	111,175,063,690
- Phải trả liên quan đến gỗ khai thác nhập dự chưa quyết toán	8,160,159,644	-
- Cổ tức còn phải trả	841,770,500	963,790,800
- Phải trả các bên liên quan của Công ty và các công ty con	9,609,464,003	-
- Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	2,038,973,622	2,440,973,622
- Phải trả lợi nhuận hợp tác cho Công ty DLC (Thuyết minh VII.1)	3,684,971,099	-
- Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam	59,903,026,433 (*)	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,570,158,720	3,396,713,782
<b>Cộng</b>	<b>235,757,857,589</b>	<b>205,796,946,749</b>

<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận đặt cọc, ký quỹ dài hạn	1,000,000,000	1,000,000,000
- Phải trả Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	1,586,928,000	-
<b>Cộng</b>	<b>2,586,928,000</b>	<b>1,000,000,000</b>

(\*) Phải trả Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (DATC) theo hợp đồng mua bán nợ giữa DATC với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương đối với khoản nợ tại Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (Số dư nợ tại ngày 31/12/2015 là 26.903.026.433 đồng); và với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Đắk Lắk đối với khoản nợ tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (DL2) (Số dư nợ tại ngày 31/12/2015 là 23.000.000.000 đồng), và đối với khoản nợ tại Công ty CP Trường Thành (Số dư nợ tại ngày 31/12/2015 là 10.000.000.000 đồng) về việc chuyển giao quyền chủ nợ đối với các khoản nợ phải thu này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

19. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Vay ngắn hạn từ các Ngân hàng	(*) 1,104,170,095,732	1,797,774,494,777
- Vay từ các Tổ chức	(**) 32,755,205,020	38,936,205,020
- Vay từ các Cá nhân	7,300,000,000	300,000,000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (b*)	10,003,000,000	21,291,850,000
<b>Cộng</b>	<b>1,154,228,300,752</b>	<b>1,858,302,549,797</b>

(*) Vay từ các Ngân hàng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2015	USD	Tương đương VND
Vay bằng VND		995,964,797,132
Vay bằng USD	4,800,590.00	108,205,298,600
<b>Cộng</b>		<b>1,104,170,095,732</b>

Tất cả các khoản vay từ các ngân hàng với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán tiền mua gỗ nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C, D/P và D/A. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của Ông Võ Trường Thành và các cá nhân khác, hàng hoá tồn kho luân chuyển, các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn, các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 31/12/2015, lãi suất các khoản vay từ các ngân hàng dao động từ 10,25% đến 11%/năm đối với khoản vay bằng VND và dao động từ 5% đến 6,9%/năm đối với khoản vay bằng ngoại tệ (USD).

(**) Vay từ các tổ chức	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Phú Hữu Gia	32,455,205,020	33,645,205,020
- Công ty CP Vận tải Vũ Thành	-	4,000,000,000
- Công ty Vũ Tuấn	-	991,000,000
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	300,000,000	300,000,000
<b>Cộng</b>	<b>32,755,205,020</b>	<b>38,936,205,020</b>

b) Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	-	78,338,600,000
- NH TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Dương	40,000,000,000	40,000,000,000
- NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Buôn Mê Thuột	3,000,000	844,000,000
<b>Cộng vay dài hạn</b>	<b>40,003,000,000</b>	<b>119,182,600,000</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(10,003,000,000)	(21,291,850,000)
<b>Cộng</b>	<b>30,000,000,000</b>	<b>97,890,750,000</b>

- Vay từ **Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Dương** theo hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 2048/14/HĐTD/0100-2674 ngày 10/12/2014 với số tiền vay là 40 tỷ đồng. Mục đích vay: đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, sửa chữa nhà xưởng. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2015 là 10,89%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là Nguyên liệu gỗ Teak và thành phẩm tồn kho theo Hợp đồng cầm cố hàng hóa số 2047/14/HĐCC-HH/0100/2674 ngày 10/12/2014 với tổng giá trị là 144.397.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **40.000.000.000 đồng**, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 10 tỷ đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tp. Buôn Ma Thuột theo hợp đồng tín dụng số LAV201000226 ngày 03/02/2010 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng. Mục đích sử dụng: xây dựng văn phòng, nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh và vườn ươm cây giống lâm nghiệp. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 10,5%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **3.000.000 đồng**, đã quá hạn thanh toán.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>(*) (2,238,221,557)</b>	<b>(8,766,857,945)</b>

(\*) Bao gồm:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi đầu năm	(8,766,857,945)	
- Sử dụng trong năm	(16,097,980,594)	
- Trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2014	3,876,616,982	
- Tạm trích từ lợi nhuận sau thuế 2015 theo Nghị quyết HĐQT ngày 24/3/2016	18,750,000,000	
<b>- Quỹ khen thưởng, phúc lợi cuối năm</b>	<b>(2,238,221,557)</b>	

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>21. Trái phiếu chuyển đổi (Vay chuyển đổi):</b>		
- Giá trị phần nợ gốc	(*) 603,500,000,000	-
- Phần chênh lệch giữa số lãi phải trả của khoản nợ tính theo lãi suất thực tế và số lãi tính theo lãi suất danh nghĩa	(6,743,618,619)	-
- Phân bổ phần chênh lệch trong kỳ	1,900,213,870	-
<b>Cộng</b>	<b>598,656,595,251</b>	<b>-</b>

(\*) Theo hợp đồng vay chuyển đổi ngày 18/9/2015 được ký giữa Công ty và Công ty CP ĐT XD Đại An và theo Thỏa thuận chuyển giao và sửa đổi hợp đồng vay chuyển đổi ngày 19/11/2015 giữa Công ty, Công ty CP ĐT XD Đại An và Công ty CP ĐT XD Tân Liên Phát. Theo đó, số tiền vay là 603.500.000.000 đồng và có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, với mức giá chuyển đổi cố định là 14.200 đồng/cổ phần (tương đương 42.500.000 cổ phần), lãi suất áp dụng đối với khoản vay chuyển đổi là 10%/năm, ngày đáo hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày rút vốn. Công ty cấp cho Bên cho vay trên cơ sở không hủy ngang quyền ("Quyền chuyển đổi") vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn từ ngày thứ 130 đến ngày thứ 120 trước ngày đáo hạn.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>22. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</b>		
- Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp và phần chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	30,758,000,473	34,410,523,298
<b>Cộng</b>	<b>30,758,000,473</b>	<b>34,410,523,297.96</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2014	Tăng	Giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	735,000,000,000	265,671,000,000	-	1,000,671,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	99,062,086,763	-	31,407,360,000	67,654,726,763
Cổ phiếu quỹ	(420,631,294)	-	-	(420,631,294)
Các quỹ	14,271,600,799	138,854,310	-	14,410,455,109
LNST chưa phân phối	3,405,797,956	70,619,947,535	396,187,171	73,629,558,321
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	96,270,554,844	(3,435,898,015)	(1,694,999,999)	94,529,656,829
<b>Cộng</b>	<b>947,589,409,069</b>	<b>332,993,903,830</b>	<b>30,108,547,172</b>	<b>1,250,474,765,728</b>

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	1,000,671,000,000	400,268,400,000	-	1,400,939,400,000
Thặng dư vốn cổ phần	67,654,726,763	-	306,850,000	67,347,876,763
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	6,743,618,619	-	6,743,618,619
Cổ phiếu quỹ	(420,631,294)	-	-	(420,631,294)
Các quỹ	14,410,455,109	2,769,012,130	-	17,179,467,239
LNST chưa phân phối	73,629,558,321	188,885,208,894	25,813,713,585	236,701,053,629
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	94,529,656,830	16,046,781,200	-	110,576,438,030
<b>Cộng</b>	<b>1,250,474,765,728</b>	<b>614,713,020,843</b>	<b>26,120,563,585</b>	<b>1,839,067,222,985</b>

Vốn góp của chủ sở hữu đã tăng trong năm do:

	Theo mệnh giá	Theo giá bán thực tế
- Phát hành 2.093.415 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cp, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	20,934,150,000	20,934,150,000
- Phát hành 37.933.425 cổ phiếu cho các nhà đầu tư cá nhân với giá bán 10.000 đồng/cp, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	379,334,250,000	379,334,250,000
<b>Cộng</b>	<b>400,268,400,000</b>	<b>400,268,400,000</b>

#### b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140,093,940	100,067,100
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140,093,940	100,067,100
+ Cổ phiếu phổ thông	140,093,940	100,067,100
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(16,564)	(16,564)
+ Cổ phiếu phổ thông	(16,564)	(16,564)
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140,077,376	100,050,536
+ Cổ phiếu phổ thông	140,077,376	100,050,536
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

#### c) Các quỹ của doanh nghiệp:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	17,170,504,129 (*)	14,401,491,999
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	8,963,110	8,963,110
<b>Cộng</b>	<b>17,179,467,239</b>	<b>14,410,455,109</b>

(\*) Quỹ đầu tư phát triển đầu năm đã được trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (10.633.606.960 đồng) và Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang (3.767.885.040 đồng).

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<b>d)</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b> giảm do:		
	- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014		3,876,616,982
	- Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 theo Nghị quyết HĐQT ngày 24/3/2016		18,750,000,000
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển		2,769,012,130
	- Chi khác phát sinh tại công ty Con		418,084,473
	<b>Cộng</b>		<b><u>25,813,713,585</u></b>

### Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

<b>a)</b>	<b>Ngoại tệ các loại:</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
	- USD	42,313.12	27,233.45
	- EUR	794.04	616.29
		<u>                    </u>	<u>                    </u>
<b>b)</b>	<b>Nợ khó đòi đã xử lý:</b>	<u>2,687,182,707</u>	<u>2,687,182,707</u>

### VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

<b>1.</b>	<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Năm 2015	Năm 2014
	- Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	2,582,616,517,005	1,276,168,684,716
	- Doanh thu xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	1,895,817,367	2,933,125,795
	- Doanh thu các hợp đồng thi công công trình	152,817,152,296	124,565,827,915
	- Doanh thu từ chuyển nhượng 4.000 ha đất trồng rừng	-	22,931,794,219
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ (phí xuất khẩu, cho thuê mặt bằng, gia công...)	15,658,188,943	35,389,729,440
	<b>Cộng</b>	<b><u>2,752,987,675,611</u></b>	<b><u>1,461,989,162,084</u></b>

<b>2.</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	Năm 2015	Năm 2014
	- Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	2,227,024,413,272	1,061,295,275,686
	- Giá vốn xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	2,147,049,191	2,921,555,704
	- Giá vốn các hợp đồng thi công công trình	126,998,373,075	84,535,602,279
	- Giá vốn từ chuyển nhượng 4.000 ha đất trồng rừng	-	13,704,608,272
	- Giá vốn dịch vụ	14,142,797,371	19,413,392,372
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	36,027,500,257	713,426,288
	<b>Cộng</b>	<b><u>2,406,340,133,166</u></b>	<b><u>1,182,583,860,600</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2015	Năm 2014
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	10,882,123,828	7,321,358,105
- Lãi chênh lệch tỷ giá	9,853,804,907	5,254,222,182
- Lãi liên quan đến việc thoái một phần vốn vào Quỹ đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	3,452,120,000	-
- Cổ tức nhận được	1,201,240	-
- Thu nhập từ hoạt động góp vốn liên doanh phân bổ trong năm	3,652,522,825	3,652,522,825
<b>Cộng</b>	<b>27,841,772,799</b>	<b>16,228,103,111</b>

4. Chi phí tài chính	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí lãi vay	181,737,706,065	151,979,159,742
- Chi phí lãi vay được xóa	(*) (146,985,325,283)	(104,024,288,074)
- Lãi trả chậm thanh toán, chiết khấu thanh toán	-	259,905,723
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	30,311,630,366	15,004,870,838
- Lỗ từ việc bán cổ phiếu Công ty CP Sông Hậu	-	10,448,288,000
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	459,534,690	(12,226,720,001)
- Phân chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh với DLC	3,684,971,099	-
- Phí ngân hàng	1,212,503,284	1,604,837,162
- Chi phí tài chính khác	80,861,445	449,362,165
<b>Cộng</b>	<b>70,501,881,666</b>	<b>63,495,415,556</b>

(\*) Chi phí lãi vay được xóa từ:

- Công ty CP Phú Hữu Gia	(7,324,264,563)
- Công ty CP Vận tải Vũ Thành	(88,979,364,542)
- Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á	(44,899,717,916)
- NH Phát triển Việt Nam - CN Đăk Lăk - Đăk Nông	(5,781,978,262)
<b>Cộng</b>	<b>(146,985,325,283)</b>

5. Chi phí bán hàng	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí nhân viên	6,757,273,723	4,316,964,794
- Chi phí vật liệu bao bì	27,337,489	137,654,346
- Chi phí khấu hao TSCĐ	16,575,432	17,108,759
- Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	2,224,905,083	3,431,764,917
- Chi phí xuất hàng	11,515,038,775	4,693,137,288
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,628,147,677	5,279,501,784
- Chi phí bằng tiền khác	714,071,109	2,562,420,767
<b>Cộng</b>	<b>22,883,349,288</b>	<b>20,438,552,655</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí nhân viên quản lý	74,413,574,350	61,307,419,128
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2,647,514,334	2,146,655,913
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3,598,284,420	3,183,767,080
- Thuế, phí và lệ phí	2,552,134,567	8,377,393,132
- Chi phí dự phòng	3,851,538,594	15,767,112,796
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,596,200,308	6,985,748,524
- Chi phí bằng tiền khác	<u>6,747,273,532</u>	<u>6,004,806,649</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>109,406,520,106</u></b>	<b><u>103,772,903,223</u></b>

7. Thu nhập khác	Năm 2015	Năm 2014
- Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	460,071,530	411,073,470
- Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	6,069,600,000	-
- Thu nhập do bán phế liệu, công cụ dụng cụ	250,621,445	253,073,998
- Thu phí lưu kho, tiền điện, tiền cho thuê mặt bằng, cho thuê xe,...	886,221,750	590,693,183
- Thu nhập do phạt vi phạm	1,260,576,297	1,598,519,857
- Thu nhập từ xử lý tài sản, các khoản phải trả	160,752,504	1,533,217,861
- Thu nhập từ việc chi hộ	-	1,370,141,587
- Thu nhập từ nhận bồi thường	58,733,000	898,554,534
- Thu nhập từ nợ gốc vay được xóa	(*) 93,108,198,962	-
- Thu nhập khác	<u>1,951,499,298</u>	<u>806,862,121</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>104,206,274,787</u></b>	<b><u>7,462,136,612</u></b>

(\*) Nợ gốc vay được xóa từ:

- Công ty CP Vận tải Vũ Thành (VTC)	(**) 86,358,568,962
- Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng - TMCP Việt Á	<u>6,749,630,000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>93,108,198,962</u></b>

(\*\*) Theo biên bản thỏa thuận số 01-2015/BBTT/TTF-VTC ngày 18/6/2015 giữa Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và Công ty CP Vận tải Vũ Thành (VTC), thì sau khi VTC mua lại khoản nợ của Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và hai công ty con là Công ty CP Trường Thành (DL1) và Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (DL2) từ DATC, thì VTC sẽ xóa toàn bộ dư nợ lãi, cũng như xóa một phần nợ gốc tương ứng là 86.358.568.962 đồng. Vào ngày 30/6/2015, VTC đã có công văn số 01-15/CV/VTC-TTF về việc thông báo xóa lãi và giảm nợ gốc cho Tập đoàn với số liệu như trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Năm 2015	Năm 2014
<b>8. Chi phí khác</b>		
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	114,604,486	157,725,407
- Chi phí phạt	2,444,168,454	1,590,525,234
- Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm	15,124,542,222	17,175,757,956
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án ngừng hoạt động, chi phí khấu hao của tài sản không hoạt động,...	1,176,198,942	1,265,612,520
- Chi phí liên quan đến việc cho thuê mặt bằng,...	555,487,630	405,077,182
- Xử lý công nợ	15,751,821	112,131,421
- Thù lao HĐQT và BKS	692,000,000	-
- Chi phí thiệt hại do cháy rừng	6,915,766,027	1,507,512,605
- Chi phí từ việc chi hộ	-	1,371,670,200
- Chi phí tiền thưởng và hỗ trợ khai thác rừng	2,398,750,000	-
- Chi phí khác	2,233,010,658	1,512,413,921
<b>Cộng</b>	<b>31,670,280,240</b>	<b>25,098,426,445</b>
<b>9. Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại:</b>		
- Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	32,707,317,579	17,645,534,984
- Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	29,203,733	28,290,926
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (DL2)	696,991,806	-
- Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	143,083,226	205,905,593
- Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (BD2)	1,589,849,044	3,278,937,077
- Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành	-	998,571,758
<b>Cộng</b>	<b>35,166,445,388</b>	<b>22,157,240,337</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>204,931,990,094</b>	<b>67,184,049,520</b>
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	16,046,781,200	(3,435,898,015)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	188,885,208,894	70,619,947,535
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(18,750,000,000)	(3,876,616,982)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	170,135,208,894	74,496,564,517
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	113,100,982	100,050,536
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,504</b>	<b>745</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được điều chỉnh lại do giảm trừ từ việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 được thực hiện trong năm 2015.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2015	Năm 2014
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	170,135,208,894	74,496,564,517
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	14,080,466,819	
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	184,215,675,713	74,496,564,517
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	113,100,982	100,050,536
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	47,013,900	40,026,840
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	160,114,882	140,077,376
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1,151</b>	<b>532</b>

(\*) Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm theo hợp đồng vay chuyển đổi với số tiền vay là 603.500.000.000 đồng, giá chuyển đổi cố định là 14.200 đồng/cổ phần (tương đương 42.500.000 cổ phần) (Thuyết minh tại mục V.21\*) và 4.513.900 cổ phần phát hành nhằm hoán đổi toàn bộ số cổ phần của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) (Thuyết minh tại mục VII.3).

### VII. Những thông tin khác

#### 1. Các cam kết

- Theo thỏa thuận chi bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất số 01-2014/TTBT-TTF ngày 19/7/2014 giữa Công ty và Công ty CP Địa ốc Đại Á, Công ty sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu đất 10.320 m2 thuộc Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương với tổng giá trị là 22 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT) (Thuyết minh tại mục V.7).

- Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐKT/TTF-DLC ngày 20/4/2015 giữa Công ty và Công ty TNHH TM và XD DLC, hai bên cùng góp vốn hợp tác kinh doanh sản xuất hàng ngoại thất xuất khẩu số: TTF-CPS 01/15 OUT ký ngày 10/4/2015 giữa Công ty và CPS với giá trị hợp đồng là 3,519,149.40 USD. Theo đó, Công ty TNHH TM và XD DLC sẽ góp bằng tiền là 66.389.721.197 đồng và được hưởng lợi nhuận cố định là 5 tỷ đồng dù hợp đồng thực hiện có lãi hoặc lỗ.

- Công ty cam kết trả nợ thay các khoản vay của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An đến Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN ĐakLak trong trường hợp Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An không đủ khả năng thanh toán các khoản vay đã vay từ Ngân hàng này theo hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 08/51/NV/HĐBL ngày 15/12/2008.

- Công ty đang được Công ty CP Trồng rừng Trường Thành thế chấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 848,934 ha rừng trồng tại Huyện Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk nhằm đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận với giá trị theo thỏa thuận định giá là 97.500.000.000 đồng.

- Theo hợp đồng vay chuyển đổi ngày 18/9/2015 được ký giữa Công ty và Công ty CP ĐT XD Đại An và theo Thỏa thuận chuyển giao và sửa đổi hợp đồng vay chuyển đổi ngày 19/11/2015 giữa Công ty, Công ty CP ĐT XD Đại An và Công ty CP ĐT XD Tân Liên Phát. Theo đó, số tiền vay là 603.500.000.000 đồng và có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, với mức giá chuyển đổi cố định là 14.200 đồng/cổ phần, lãi suất áp dụng đối với khoản vay chuyển đổi là 10%/năm, ngày đáo hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày rút vốn. Công ty cấp cho Bên cho vay trên cơ sở không hủy ngang quyền ("Quyền chuyển đổi") vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn từ ngày thứ 130 đến ngày thứ 120 trước ngày đáo hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành có các khoản cam kết phân chia lợi nhuận theo các hợp đồng hợp tác đầu tư như sau:

- Theo hợp đồng liên kết số 01/TTC-BQLM'DRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất bao gồm nhưng không giới hạn 690,84 ha (được giao khoán cho các hộ dân theo chương trình 661) thuộc các tiểu khu 790, 786, 781, 759, 782, 762 nằm trên địa bàn hành chính của 04 xã: Cư M'ta, Ea Trang, EA M'Đoan và Cư Króa huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak. Diện tích này sẽ đưa vào liên kết trồng rừng với Công ty cụ thể là: năm 2008 liên kết trồng mới 154,1 ha, năm 2010 liên kết trồng mới 118,7 ha, năm 2011 liên kết trồng mới 177,9 ha, năm 2012 liên kết trồng mới 139,8 ha, năm 2013 liên kết trồng mới 100,34ha. Ngoài ra, BQLDA góp không quá 20% vốn vào suất đầu tư đối với chu năm đầu không tính lãi suất từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (số vốn này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu năm tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Các hộ dân sẽ là người trực tiếp tiến hành trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng được thực hiện cụ thể thông qua hợp đồng giao khoán. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 40% (trong đó BQLDA 10%, người dân 30%), 60% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 02/TTC-M'DRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 1.000 ha đất rừng phòng hộ, khoảng 1.200 ha đất rừng sản xuất và góp không quá 10% vốn vào suất đầu tư đối với chu năm đầu từ nguồn thu chi tiêu khai thác gỗ tự nhiên của BQLDA nếu có (số vốn góp này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu năm tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 10% lợi nhuận, 90% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 03/TTC-CTLN M'DRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất 600 ha rừng phòng hộ thuộc 02 tiểu khu 797, 802 nằm trên địa bàn hành chính xã Ea Trang huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak và tham gia quản lý, tổ chức trồng chăm sóc quản lý phòng chống cháy rừng và các hoạt động khác theo quy trình kỹ thuật của Công ty. Doanh thu có được khi kết thúc mỗi đợt tía thưa/khai thác sẽ được phân chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak 10% và Công ty 90%, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng là 48 năm.

- Theo hợp đồng liên kết số 04/TTC-CTLN LAK ngày 12/3/2009 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 4.800 ha và góp khoảng 1,4 tỷ đồng vào suất đầu tư đối với chu năm sản xuất đầu (số tiền này từ nguồn vốn đã đầu tư vào 67,6 ha rừng trồng năm 2004 tại tiểu khu 1407 - 1415), số tiền từ định giá khu rừng trồng 161 ha tại các tiểu khu 1407 - 1408 sau khi hai bên thống nhất sẽ ghi vốn bổ sung. Tỷ lệ phân chia doanh thu (bằng tiền hoặc sản phẩm gỗ) sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp Lak 7% doanh thu (sau khi trừ chi phí khai thác/chi phí tía thưa nhưng không bao gồm các khoản thuế theo quy định và tiền thuê đất "nếu có"), 93% còn lại (sau khi trừ chi phí như trên) sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng 50 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**2. Báo cáo Bộ Phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Chế biến gỗ
- Trồng rừng
- Khác

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: triệu đồng

	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
<b>Doanh thu thuần</b>										
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	1,858,926	1,181,220	1,768	15,143	891,145	262,371	-	-	2,751,840	1,458,733
<i>Giữa các bộ phận</i>	3,061,241	2,084,569	1,639	19,146	-	-	(3,062,880)	(2,103,715)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,920,167</b>	<b>3,265,788</b>	<b>3,406</b>	<b>34,289</b>	<b>891,145</b>	<b>262,371</b>	<b>(3,062,880)</b>	<b>(2,103,715)</b>	<b>2,751,840</b>	<b>1,458,733</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Kết quả của bộ phận	276,718	256,724	547	(2,477)	69,554	42,027	(1,320)	(20,124)	345,499	276,149
Chi phí không phân bổ	128,327	116,501	2,513	6,016	1,727	2,131	(277)	(437)	132,290	124,211
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	148,390	140,223	(1,965)	(8,493)	67,828	39,895	(1,043)	(19,687)	213,210	151,938
<i>Thu nhập tài chính</i>	33,902	13,992	(13,512)	6,516	3	2	7,449	(4,282)	27,842	16,228
<i>Chi phí tài chính</i>	68,478	73,788	(11,112)	7,155	(2,601)	2,939	15,737	(20,387)	70,502	63,495
<i>Lợi nhuận khác</i>	75,307	(11,127)	(984)	(1,075)	(1,072)	(1,397)	(716)	(4,037)	72,536	(17,636)
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	(278)	-	(2,138)	(1,958)	341	(151)	(273)	-	(2,349)	(2,109)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35,391	22,110	-	-	-	-	413	(4,368)	35,804	17,741
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>153,452</b>	<b>47,191</b>	<b>(7,488)</b>	<b>(12,166)</b>	<b>69,701</b>	<b>35,410</b>	<b>(10,733)</b>	<b>(3,251)</b>	<b>204,932</b>	<b>67,184</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	17,741	(2,135)	(587)	(3,491)	(223)	2,190	(884)	-	16,047	(3,436)
<b>Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>135,711</b>	<b>49,326</b>	<b>(6,900)</b>	<b>(8,675)</b>	<b>69,924</b>	<b>33,220</b>	<b>(9,849)</b>	<b>(3,251)</b>	<b>188,885</b>	<b>70,620</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Các thông tin khác	Đơn vị tính: triệu đồng									
	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
Tài sản của bộ phận	5,395,239	5,010,700	224,659	228,658	298,513	193,649	(1,333,783)	(1,426,383)	4,584,629	4,006,624
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	641	866	-	-	-	-	4,670	5,084	5,312	5,950
Tài sản không phân bổ										
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5,395,881</b>	<b>5,011,566</b>	<b>224,659</b>	<b>228,658</b>	<b>298,513</b>	<b>193,649</b>	<b>(1,329,112)</b>	<b>(1,421,300)</b>	<b>4,589,941</b>	<b>4,012,574</b>
Nợ phải trả của bộ phận	3,426,356	3,581,872	102,629	101,278	175,483	139,979	(953,594)	(1,061,030)	2,750,873	2,762,099
Nợ phải trả không phân bổ										
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3,426,356</b>	<b>3,581,872</b>	<b>102,629</b>	<b>101,278</b>	<b>175,483</b>	<b>139,979</b>	<b>(953,594)</b>	<b>(1,061,030)</b>	<b>2,750,873</b>	<b>2,762,099</b>
Chi mua sắm tài sản	136,195	6,898	-	17,500	-	-	-	-	136,195	24,398
Chi phí khấu hao	34,196	30,900	662	3,494	-	495	(47)	149	34,811	35,037

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: triệu đồng

	Bình Dương		Đắk Lắk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
<b>Doanh thu thuần</b>												
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	5,978,622	1,300,961	1,971,727	(110,623)	36,034	6,025	891,217	262,371	-	-	8,877,599	1,458,733
<i>Giữa các bộ phận</i>	(2,149,042)	1,682,052	(913,487)	372,222	(351)	49,440	-	-	(3,062,880)	(2,103,715)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,829,580</b>	<b>2,983,013</b>	<b>1,058,240</b>	<b>261,599</b>	<b>35,682</b>	<b>55,465</b>	<b>891,217</b>	<b>262,371</b>	<b>(3,062,880)</b>	<b>(2,103,715)</b>	<b>2,751,840</b>	<b>1,458,733</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>												
Kết quả của bộ phận	238,713	224,697	33,233	25,526	5,226	3,966	69,648	42,084	(1,320)	(20,124)	345,499	276,149
Chi phí không phân bổ	106,269	95,896	20,488	22,073	4,186	4,625	1,624	2,054	(277)	(437)	132,290	124,211
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	132,445	128,800	12,745	3,454	1,039	(658)	68,023	40,029	(1,043)	(19,687)	213,210	151,938
<i>Thu nhập tài chính</i>	30,908	10,916	(10,522)	9,591	4	1	3	2	7,449	(4,282)	27,842	16,228
<i>Chi phí tài chính</i>	101,371	48,994	(46,889)	34,634	1	(140)	282	394	15,737	(20,387)	70,502	63,495
<i>Lợi nhuận khác</i>	75,958	(8,563)	3,105	(4,805)	(5,916)	(533)	105	302	(716)	(4,037)	72,536	(17,636)
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	-	(278)	-	(2,138)	(1,958)	341	(151)	(273)	-	(2,349)	(2,109)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34,522	21,875	697	-	143	206	29	28	413	(4,368)	35,804	17,741
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>103,418</b>	<b>60,283</b>	<b>51,242</b>	<b>(26,395)</b>	<b>(7,155)</b>	<b>(3,214)</b>	<b>68,161</b>	<b>39,761</b>	<b>(10,733)</b>	<b>(3,251)</b>	<b>204,932</b>	<b>67,184</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	431	5	16,104	(6,016)	393	480	2	2,094	(884)	-	16,047	(3,436)
<b>Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>102,986</b>	<b>60,278</b>	<b>35,138</b>	<b>(20,379)</b>	<b>(7,548)</b>	<b>(3,694)</b>	<b>68,159</b>	<b>37,666</b>	<b>(9,849)</b>	<b>(3,251)</b>	<b>188,885</b>	<b>70,620</b>

Đơn vị tính: triệu đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Bình Dương		Đăk Lăk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
<b>Các thông tin khác</b>												
Tài sản của bộ phận	4,481,829	4,120,884	1,082,338	1,054,136	66,505	76,680	287,739	181,307	(1,333,783)	(1,426,383)	4,584,629	4,006,624
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	641	866	-	-	-	-	-	-	4,670	5,084	5,312	5,950
Tài sản không phân bổ												
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4,482,471</b>	<b>4,121,750</b>	<b>1,082,338</b>	<b>1,054,136</b>	<b>66,505</b>	<b>76,680</b>	<b>287,739</b>	<b>181,307</b>	<b>(1,421,300)</b>	<b>(1,421,300)</b>	<b>4,589,941</b>	<b>4,012,574</b>
Nợ phải trả của bộ phận	2,613,835	2,740,611	928,293	954,050	10,345	15,345	151,995	113,123	(953,594)	(1,061,030)	2,750,873	2,570,448
Nợ phải trả không phân bổ												
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2,613,835</b>	<b>2,740,611</b>	<b>928,293</b>	<b>954,050</b>	<b>10,345</b>	<b>15,345</b>	<b>151,995</b>	<b>113,123</b>	<b>(953,594)</b>	<b>(1,061,030)</b>	<b>2,750,873</b>	<b>2,570,448</b>
Chi mua sắm tài sản	112,612	3,821	23,553	20,577	30	-	-	-	-	-	136,195	24,398
Chi phí khấu hao	25,439	23,452	7,906	9,880	1,513	1,555	-	-	(47)	149	34,811	35,037

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

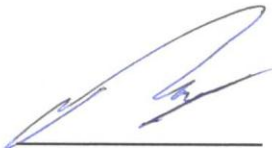
### 3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

- Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) vào Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03-12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 8 năm 2012. Theo Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên 2014 ngày 29/4/2014, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu hoán đổi toàn bộ số cổ phần của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) với số lượng là 4.513.900 cổ phần và tỉ lệ hoán đổi là 1:1.

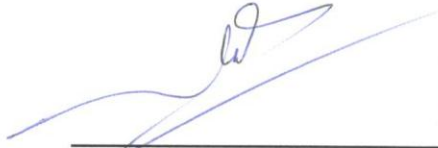
Ngoài những sự kiện như đã nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### 4. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.



Đỗ Ngọc Nam  
Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết  
Kế toán trưởng



Ngày 29 tháng 3 năm 2016